

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 06-5-2025
V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Xuân Tùng

2. Ông Lê Mộng Linh

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tuấn Khanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Mai Ly - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 88/2025/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2025 về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2025/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Mỹ N, sinh năm: 1991; địa chỉ: số A ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre; chỗ ở hiện nay: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Long An. (có đơn xin vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Hồ Tấn Đ, sinh năm: 1989; địa chỉ: số A ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/02/2025 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ N trình bày:

Về hôn nhân, chị và anh Hồ Tấn Đ tiến tới hôn nhân là do quen biết, có tìm hiểu nhau một thời gian và tự nguyện tiến tới hôn nhân. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre ngày 04/11/2010 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Kết hôn xong vợ chồng sống chung tại xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre. Quá trình sống chung, cuộc sống vợ chồng có hạnh phúc một thời gian, tuy nhiên thời gian sau này vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do tính tình không hợp nhau dẫn đến bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau nhưng

giữa chị và anh Hồ Tấn Đ không hàn gắn được tình cảm, chị và anh Hồ Tấn Đ đã không còn sống chung với nhau 02 năm nay, chị về sinh sống tại ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Long An cùng với cha mẹ của chị, từ khi không còn sống chung giữa chị và anh Hồ Tấn Đ không có hàn gắn tình cảm. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng dành cho anh Hồ Tấn Đ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Hồ Tấn Đ. Chị không yêu cầu anh Hồ Tấn Đ cấp dưỡng cho chị khi ly hôn.

Về con chung: có 02 con chung là Hồ Khánh N1, sinh ngày 26/4/2011 và Hồ Hữu N2, sinh ngày 24/5/2016, 02 con chung đang sống chung với chị, được chị chăm sóc tốt và 02 con chung đều có nguyện vọng sống chung với chị nên chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh Hồ Tấn Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Hồ Tấn Đ vắng mặt trong tất cả các lần Tòa án triệu tập, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ N và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự thủ tục: Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 8, 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Mỹ N, cụ thể: Về hôn nhân, chị Lê Thị Mỹ N được ly hôn với anh Hồ Tấn Đ; chị Lê Thị Mỹ N không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết. Về con chung, chị Lê Thị Mỹ N được trực tiếp nuôi dưỡng Hồ Khánh N1, sinh ngày 26/4/2011 và Hồ Hữu N2, sinh ngày 24/5/2016; anh Hồ Tấn Đ được thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản; chị Lê Thị Mỹ N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung, chị Lê Thị Mỹ N trình bày không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về nợ chung, chị Lê Thị Mỹ N trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn thì vụ án có quan hệ pháp luật là “ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn anh Hồ Tấn Đ cư trú tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh

Phú, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ N có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Hồ Tấn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Lê Thị Mỹ N và anh Hồ Tấn Đ.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn thấy rằng chị Lê Thị Mỹ N và anh Hồ Tấn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre. Do đó, hôn nhân của chị Lê Thị Mỹ N và anh Hồ Tấn Đ đã tuân thủ đầy đủ các quy định về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời trình bày của chị Lê Thị Mỹ N cho rằng, quá trình sống chung giữa chị và anh Hồ Tấn Đ có hạnh phúc một thời gian, sau đó thì không còn hạnh phúc do có xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và đã không còn sống chung với nhau nhưng không hàn gắn được tình cảm.

Đối với anh Hồ Tấn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và phiên tòa xét xử. Như vậy, có cơ sở xác định anh Hồ Tấn Đ không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị Lê Thị Mỹ N. Qua kết quả xác minh về tình trạng hôn nhân giữa chị Lê Thị Mỹ N và anh Hồ Tấn Đ, cho thấy lời trình bày của chị Lê Thị Mỹ N về mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng của chị và anh Hồ Tấn Đ là có thật và đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Mỹ N đối với anh Hồ Tấn Đ. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, do chị Lê Thị Mỹ N không yêu cầu và không ghi nhận được ý kiến của anh Hồ Tấn Đ nên không xem xét giải quyết.

[4] Về con chung: chị Lê Thị Mỹ N và anh Hồ Tấn Đ có 02 người con chung là cháu Hồ Khánh N1, sinh ngày 26/4/2011 và Hồ Hữu N2, sinh ngày 24/5/2016. Hiện tại, các con chung đang sống chung với chị Lê Thị Mỹ N và chị Lê Thị Mỹ N yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung. Thấy rằng, từ khi chị Lê Thị Mỹ N và anh Hồ Tấn Đ không còn sống chung thì chị Lê Thị Mỹ N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hồ Khánh N1, sinh ngày 26/4/2011 và Hồ Hữu N2, sinh ngày 24/5/2016. Quá trình giải quyết vụ án anh Hồ Tấn Đ không có ý kiến gì đối với yêu cầu nuôi con chung của chị Lê Thị Mỹ N. Xét thấy, chị Lê Thị Mỹ N có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dạy các con chung để các cháu phát triển tốt về mọi mặt. Vì vậy, giao con chung Hồ Khánh N1, sinh ngày 26/4/2011 và Hồ Hữu N2, sinh ngày 24/5/2016 cho chị Lê Thị Mỹ N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp, qua đó nhằm bảo đảm sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của con chung, điều này cũng phù

hợp với nguyện vọng của các cháu Hồ Khánh N1 và Hồ Hữu N2. Chị Lê Thị Mỹ N không yêu cầu anh Hồ Tấn Đ cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

[5] Về tài sản chung: Chị Lê Thị Mỹ N trình bày không yêu cầu giải quyết, đối với anh Hồ Tấn Đ không có lời trình bày nên không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị Lê Thị Mỹ N trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, đối với anh Hồ Tấn Đ không có lời trình bày nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Do yêu cầu ly hôn được chấp nhận nên chị Lê Thị Mỹ N phải nộp án phí dân sự không có giá ngạch là 300.000 đồng.

[8] Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Mỹ N đối với anh Hồ Tấn Đ. Chị Lê Thị Mỹ N được ly hôn với anh Hồ Tấn Đ.

Chị Lê Thị Mỹ N không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Hồ Khánh N1, sinh ngày 26/4/2011 và Hồ Hữu N2, sinh ngày 24/5/2016 cho chị Lê Thị Mỹ N được trực tiếp nuôi dưỡng, anh Hồ Tấn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Lê Thị Mỹ N không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có căn cứ.

3. Về chia tài sản chung: Chị Lê Thị Mỹ N trình bày không yêu cầu giải quyết, anh Hồ Tấn Đ không có lời trình bày nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Lê Thị Mỹ N trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, anh Hồ Tấn Đ không có lời trình bày nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Lê Thị Mỹ N phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008742 ngày 20/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Phú, án phí đã nộp đủ.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- Đương sự;
- UBND xã Thanh Hải, huyện Thanh Phú;
- VKSND huyện Thanh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thanh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu HS, Vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Hồ Văn Tú